TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **14**/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 19 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2025/TBTL-TA ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 44b/3, đường Ngô Thì Nhậm, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Anh Đặng Văn C, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 44b/3, đường Ngô Thì Nhậm, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đặng Văn C kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh L. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần, nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên cả hai thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn C chị T và

anh C. Xét thấy, yêu cầu của chị T và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đặng Văn C.

[2]Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đặng Văn C xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Ngọc K, sinh ngày 19/3/2012 và Đặng Thị Kim T, sinh ngày 01/5/2014. Ly hôn chị T và anh C thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung Đặng Ngọc K và Đặng Thị Kim T C anh C có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh C thống nhất để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị T và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh C.

[3]Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

[4]Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh C thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đặng Văn C thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đặng Văn C thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là Đặng Ngọc K, sinh ngày 19/3/2012 và Đặng Thị Kim T, sinh ngày 01/5/2014 C anh C có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh C thống nhất để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đặng Văn C thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị T và anh C đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010503 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị T và anh C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tư nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh L;
- VKSND Khu vực A - L;
- Phòng THADS Khu vực A - L;
- UBND phường H, thành phố Đ (cũ là xã T, thị xã H, tỉnh L);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thị Lan

TAND KHU VỰC 1

ZJQ190126.TL.QDBA 480